



# NGHỀ ĐÚC ĐỒNG PHƯỚC KIỀU DƯỚI TRIỀU NGUYỄN

Nguyễn Minh Phương\*

NCS Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế  
Địa chỉ: 32 Lê Lợi, tp. Huế

**Tóm tắt:** Nghề đúc đồng Phước Kiều hình thành cùng với quá trình “mở cõi” về phương Nam của cha ông ta thời các chúa Nguyễn. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, nghề thủ công này tạo được thương hiệu nổi tiếng, và cùng với các nghề thủ công khác, đã đưa vùng đất Quảng Nam – Đà Nẵng thành “xứ trăm nghề”. Dưới triều Nguyễn, với những biến động về tình hình kinh tế – xã hội, nghề đúc đồng Phước Kiều tiếp tục tạo được những dấu ấn trong bức tranh đa sắc màu của thủ công nghiệp xứ Quảng nói riêng và thủ công nghiệp nước ta nói chung thời kỳ này. Thông qua bài viết này, tác giả phục dựng bức tranh nghề đúc đồng Phước Kiều dưới triều Nguyễn, qua đó, làm rõ vai trò của nghề thủ công này đối với địa phương cũng như cả nước.

**Từ khóa.** Nghề đúc đồng, Phước Kiều, triều Nguyễn, xứ trăm nghề

## 1. Vài nét về làng Phước Kiều

Làng Phước Kiều nằm trên Quốc lộ 1 thuộc xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Đây là vùng đồng bằng ven biển phía Bắc của tỉnh Quảng Nam. Điện Bàn đã được biết đến là vùng đất trù phú với nhiều sản vật dồi dào, là vùng trọng điểm lúa của tỉnh Quảng Nam, đồng thời rất nổi tiếng với các ngành nghề: trồng dâu nuôi tằm, ương tơ dệt lụa, làm đường, trồng đay dệt chiếu, làm đồ gốm, đúc đồng... Theo tư liệu gia phả của các tộc họ hiện còn lưu giữ, làng Phước Kiều được thành lập từ buổi đầu thời các chúa Nguyễn dựng nghiệp ở hai xứ Thuận – Quảng. Đây vốn là vùng đất truyền thống đúc đồng nổi tiếng, các ông tiền hiền của tộc Dương Ngọc và Nguyễn Bá đã truyền dạy nghề đúc cho bà con đồng tộc, lập ra làng đúc Phước Kiều cho tới nay. Khi các chúa Nguyễn ra sức mở mang, ổn định ở hai xứ Thuận – Quảng, nghề thủ công trong đó có nghề đúc đồng, sản xuất đồ gia dụng phát triển. Cuối thế kỉ XVIII, nơi đây đã hình thành hai khu vực là phường tạc tượng Đông Kiều và phường chú tượng Phước Kiều. Đến đầu thế kỉ XIX, triều Nguyễn sáp nhập hai phường lại thành “*xã hiệu Phước Kiều*”, còn được gọi là làng đúc đồng Phước Kiều [5, Tr. 488]. Như vậy, làng Phước Kiều sớm ra đời gắn liền với lịch sử vùng đất Điện Bàn nổi tiếng.

---

\*Liên hệ: nmphuong@ufl.udn.vn

## 2. Nguồn gốc của nghề đúc đồng Phước Kiều

Lần theo gia phả tộc Dương qua nhiều đời, ông tổ làng đúc đồng Phước Kiều là Dương Không Lộ, sinh năm 1019 quê xã Đề Kiều, tổng Bình Quân, châu Thất Truyền, phủ Tường Khánh, tỉnh Lạng Sơn. Dương Không Lộ mất năm 1094, thọ 75 tuổi, tước phong “*Không Lộ Giác Hải đại Thiên sư*”.

Thiền sư Dương Không Lộ xuất thân bằng nghề đánh cá, ông đã sớm theo học đạo đến tu tại chùa Keo (tỉnh Thái Bình) và hành đạo ở nhiều nơi. Truyền thuyết cho rằng, ông không những là vị sư thông tuệ kinh Phật mà ông còn có pháp thuật cao cường, có thể dùng tay moi được đồng trong lòng đất để chế tạo vũ khí trừ gian diệt bạo và chế tác thành các vật dụng khác theo nhu cầu cuộc sống. Hằng ngày, ông đi khắp nơi chữa bệnh cho nhân dân và quyên góp đồng để đúc chuông cho các ngôi chùa. Trong dân gian kể rằng: Một ngày kia ông sang tận Trung Quốc để chữa bệnh cho Thái tử khỏi chứng nan y. Cảm kích trước khả năng của ông, Hoàng đế Trung Hoa đã ban thưởng cho ông rất nhiều vàng bạc nhưng ông từ chối và chỉ muốn xin đồng. Nhà vua đồng ý cho ông vào kho muốn lấy bao nhiêu tùy ý. Ông đã thu vào túi ba gang của ông mùi kho đồng mà vẫn chưa đầy, không có ghe thuyền nào có thể chở nổi. Ông bèn lật cái nón đang đội thả xuống biển làm thuyền, ung dung vượt trùng dương về cố hương. Tương truyền rằng, ông mang đồng về góp vào đúc chuông, tạo nên tứ đại khí của nước ta [11, Tr. 70–71]. Tại làng Phước Kiều bà con truyền tụng danh xưng ông là Đúc thánh:

*“Nam mô Không lộ Như Lai  
Giáng sinh triều Lý đương thời thái minh”*

*“Túi đồng đã quảy về Nam  
Đúc nên tứ khí để làm chân tâm”*

Từ xa xưa những người dân của hai làng Phước Ninh và Đề Kiều (tỉnh Lạng Sơn) trên đường làm ăn, qua nhiều địa phương từ Đông Triều, Bắc Ninh, Hưng Yên, Thăng Long, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hóa, Thừa Thiên... đã tụ hội vào dinh trấn Thanh Chiêm (phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam) nơi tộc Dương hiện nay là con cháu nhiều đời sinh cơ lập nghiệp, nay là làng An Quán, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn. “*Để tưởng nhớ tổ tiên, họ ghép hai tên làng Phước Ninh – Đề Kiều thành làng Phước Kiều. Vì thế có tên gọi làng đúc đồng Phước Kiều hay An Quán cũng là một.*” [5, Tr. 488]

Hằng năm, vào ngày 20 tháng Giêng, con cháu làng nghề dù sinh sống nơi đâu cũng tìm về dự ngày giỗ tổ, bày tỏ lòng thành kính của mình đối với tổ nghề. Nhà thờ tổ được xây dựng từ lâu đã được tu bổ nhiều lần và vẫn giữ nguyên bản bàn thờ cổ. Bàn thờ chính diện có bài vị “*Cửu Thiên Huyền nữ*” là người làm ra thước đo làm nghề, bài vị “*Không Lộ giác hỷ*” là người đầu tiên pha nấu đồng, bài vị “*Lịch đại bốn tổ sư*” là ông thầy dạy nghề. Hai bàn thờ hai bên, mỗi bàn 5 bài vị thờ mười tộc họ nghề đúc đồng Phước Kiều. Ngày trước các tộc họ

cùng nhau mua ba mẫu ruộng gọi là “tam bảo tự”, giao luân phiên nhau canh tác thu hoạch lợi để giỗ tổ hằng năm. Lễ giỗ tổ là ngày thiêng liêng nhất, kéo dài đến hai ngày hai đêm, đông vui đầm ấm không kém lễ hội kỳ yên ở đình làng. Trong ngày này, các tộc họ chọn đưa các sản phẩm độc đáo để trình nghề như một cuộc sát hạch kỹ thuật tay nghề và có khen thưởng. Các ngã đường làng và nhà thờ treo cờ, phướn; riêng lá cờ làng nghề hình vuông khổ lớn, màu vàng, viền đỏ tượng trưng cho sự trường tồn của vũ trụ của nghề đúc đồng tung bay trước nhà thờ tổ, cùng với chiêng, trống, kèn, nhị tấu nhạc và xướng hát ca ngợi công đức tổ tiên. Đặc biệt, hiện vật cổ xưa nhất mà dân làng còn giữ được là đại hồng chung (chuông lớn) nặng 45 kg, cao gần một mét, đúc từ năm 1858, vào đời vua Tự Đức năm thứ XI. Những hàng chữ Hán trên chuông ghi “Phước Kiều thôn, bốn thôn bốn cuộc, đồng chế tạo”; về niên đại, đó là “Tự Đức thập nhất niên lục nguyệt kiết nhật”. Như vậy, ngôi nhà thờ tổ được xây dựng ít ra cũng trước năm 1858. Tộc họ Dương được giao cất giữ chiếc đại hồng chung, do ông tổ làng nghề đúc năm 1858 (niên hiệu Tự Đức thứ XI). Vật gia bảo này được chế tác rất kỹ thuật, các đường nét hoa văn, chữ khắc, đầu rồng, quai treo đều sắc sảo, đem ra nhà thờ gióng tiếng trong tế lễ, xong lễ đem về cất giữ để năm sau lại lấy ra cho con cháu nhìn thấy và nghe tiếng tổ tiên.

### 3. Quá trình phát triển của nghề

Từ ông tổ họ Dương đã qua mười tám đời, còn con cháu vào sinh sống ở làng Phước Kiều đã là đời thứ tám. Ông Dương Nhi (83 tuổi), Dương Nhị (80 tuổi), Dương Mẹo (83 tuổi), và ông Nguyễn Dư (90 tuổi) là những tay nghề lão luyện; còn lại ông cố là Dương Ngọc Cơ, ông nội là Dương Ngọc Cũ, cha là Dương Ngọc Dung đều chuyên về nghề đúc đồng. Ở Phước Kiều không chỉ có họ Dương, mà trên 10 tộc họ cũng làm nghề đúc đồng, như tộc Nguyễn Ngọc, tộc Nguyễn, Lê Văn, tộc Trần Trung, Trần Văn, Nguyễn Bá, tộc Đỗ, tộc Phan Viết... Dưới thời phong kiến, người làng Phước Kiều phải thay phiên nhau mỗi người ba tháng trong một năm, theo lệnh vua quan ra kinh đô Huế, đúc tiền, thê bài, ấn triện, đồ ngự dụng cho triều đình. “Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) có lệnh: phạm thợ nấu kim khí Quảng Nam có con em ở xã thôn nào đi làm ăn ở các địa phương khác đều phải rút về nguyên quán bỏ vào ngạch thợ.” [9, Tr. 160]. Dưới triều vua Tự Đức, Phước Kiều có 12 thợ giỏi được vua cho thay phiên nhau ra kinh đô Huế đúc tiền, đúc thê bài cho triều đình. Hết tốp thợ này về thì tốp thợ kia ra thế. Trong số đó, có một người thợ thuộc phái ba tộc Nguyễn bén duyên với một cô gái Huế và định cư luôn ngoài quê vợ. Tuy ở luôn, nhưng mọi thứ thuế đều phải về Phước Kiều mà nộp vì ở Huế ông chỉ là dân ngụ cư. Đến đời vua Duy Tân, Phước Kiều lại có ông xã Mãi, tên thật là ông Trần Tạo, làm lý trưởng làng, nhận đúc ấn cho vua. Ông xã Mãi đã đúc ấn vua Duy Tân ngay tại làng Phước Kiều. Vua Duy Tân đã dùng ấn này đóng vào các chiếu dụ, sắc phong, trong đó có sắc phong cho Lê Đình Dương người Gò Nổi, huyện Điện Bàn làm Tổng đốc tỉnh Quảng Nam [5, Tr. 489].

### 3.1. Kỹ thuật

Các sản phẩm được tạo ra từ nguyên liệu chính là đồng. Tùy theo sản phẩm, thời tiết mà đồng được pha chế với các tỷ lệ khác nhau hay được nung chảy, pha với các hợp kim theo kinh nghiệm, bí quyết nghề nghiệp.

Cũng như các làng nghề đúc đồng khác, để chế tác ra một sản phẩm đồng hoàn chỉnh, người thợ làng Phước Kiều phải tiến hành các công đoạn như: làm khuôn, sơn khuôn, nấu đồng và đúc đồng. Để đúc được những giàn công chiêng hoặc thanh la, chuông, khánh phải theo một quy trình và các khâu thật nghiêm ngặt, từ việc chọn lựa loại đồng tốt, qua nhiều lần nấu luyện chất lọc, đến khâu định lượng pha chế hợp kim đồng, thau với tỉ lệ đo sao cho hợp lý mỗi loại và khâu đun lửa nấu đồng và khâu làm khuôn đúc. Đúc đại hồng chung thường cho vàng, bạc vào nấu chung với đồng để có tiếng kêu tốt, thanh trong và ngân dài: *“Do trình độ thẩm âm, các nghệ nhân làng đồng Phước Kiều đều hiểu được âm sắc từng nhạc cụ của các dân tộc nên các sản phẩm làm ra đều có sức lan toả, nhất là trong các lễ hội văn hoá miền núi tỉnh Quảng Nam, Tây Nguyên.”* [1, Tr. 12] Sản phẩm làm ra của làng đúc Phước Kiều không chỉ là những nhạc cụ dân tộc như chuông, khánh, chiêng mà còn có cả tượng, phù điêu và các mặt hàng trang trí khác.

Trong kỹ thuật đúc đồng, khâu ban đầu là làm khuôn. Đây là công đoạn kỳ công, tỉ mỉ và phức tạp nhất trong một quy trình cho ra sản phẩm đồng bởi khuôn có đẹp thì sản phẩm làm ra mới đẹp. Khuôn thường do những người thợ cả, lành nghề trong một hội đúc hoặc trong gia đình hành nghề thực hiện. Thợ lành nghề theo quan niệm của người làng nghề, phải là người có thể làm mọi loại khuôn, mọi kích cỡ theo đơn đặt hàng. Khuôn làm tốt có thể đúc được hơn ba mươi sản phẩm mới bị hỏng. Dụng cụ nấu đồng là coi, cũng được làm bằng đất sét pha trấu. Đồng bỏ vào coi, nấu cho chảy ra rồi rót vào khuôn. Đây là công đoạn rất khó, đòi hỏi tay nghề vững vàng. Đặc biệt, lúc rót do sức nóng, mồ hôi cứ túa ra trên mặt, cần nhất dùng để mồ hôi nhỏ vào khuôn, sản phẩm khi thành hình sẽ bị rỗ, phải làm lại từ đầu. Khâu làm khuôn rất khó, đòi hỏi đạt cả kỹ thuật và mỹ thuật để cho ra đời một sản phẩm hoàn thiện. Khó nhất là các đường nét hoa văn, họa tiết phải mềm dẻo, rõ hình thể hiện cách riêng của mỗi hội đúc, biểu hiện bản sắc riêng có của vùng. Được như thế sản phẩm mới đạt yêu cầu. Hoa văn trên sản phẩm đồng mờ nhạt chứng tỏ tay nghề tạo khuôn chưa thành thạo, chưa trở thành thợ cả được.

Khuôn được làm qua hai giai đoạn chính là phần ngoài của khuôn và phần trong của khuôn. Nguyên liệu để làm là đất sét và vỏ trấu. Về phần ngoài, người ta phải phơi đất sét cho thật khô, đập nhỏ ra, ngâm với nước cho rục, dẻo mịn, trộn với trấu bằm nhỏ, thật nhuyễn, sau đó mới nhào nặn thành khuôn. Trộn trấu sống theo tỉ lệ 2 đất sét 1 trấu, nhồi kỹ, đắp lên phần ngoài của khuôn. Khi đã thành hình dạng, họ lại phơi chỗ râm mát cho khô rồi chuyển qua công đoạn se, tức tạo phần trong của khuôn. Đến đây, nguyên liệu cũng gồm đất sét và

trấu, nhưng trấu được đốt cháy thành 3 phần đen 1 phần vàng và trộn lại theo tỉ lệ 10 trấu với 11 đất sét. Đây là khâu rất quan trọng bởi có se kỹ thì phần trong của khuôn mới có độ chính xác cao, sản phẩm sẽ đạt yêu cầu. Khuôn trong làm bằng đất thít theo tỉ lệ 10 trấu/11 đất sét để làm láng nhẵn cốt khuôn.

Tiếp theo, người ta cưa khuôn ra làm đôi để bôi yếm, giữ đất lót và lấy kích thước chuẩn. Kế đến, phải khoét điệu, tức làm chỗ trống ở giữa để rót đồng rồi làm láng trước khi nung. Thông thường, khuôn mới được nung bằng 10 trâm củi lớn. Sau đó, lấy ra, lấy lại mặt bằng đường cưa cho thật kín để khi đóng cái nén bằng tre, khuôn không có khe hở, rồi nung tiếp lần nữa bằng 1 đến 2 trâm củi. Cuối cùng là thao, tức làm kỳ trước khi sử dụng. Tuy nhiên, đối với thợ cả, tay nghề vững, nhiều khi họ không cần phải thao. Nói chung, làm khuôn là công việc mệt nhọc, đòi hỏi sự kiên trì, khéo léo lẫn kinh nghiệm. Khuôn đúc một lần rồi bỏ, không được sử dụng lại.

Khuôn có loại hai thót, loại nhiều thót, nhiều tầng tùy theo hình dáng đồ vật muốn đúc. Người làm khuôn tính toán bằng tay, bằng mắt và bằng cảm giác sao cho cốt đất bên trong và lớp cốt áo bên ngoài của khuôn có khe hở rộng, hẹp bao nhiêu thì vừa để khi rót đồng vào khuôn chảy đều được liền mạch theo yêu cầu dày, mỏng của từng loại đồ vật. Do chính khuôn, tạo các đường nét hoa văn cho sản phẩm đồng đều không dùng thước tắc mà chỉ đo đếm bằng mắt, tính toán cảm giác bằng tay nên mọi sản phẩm làm ra tuy cùng loại song không giống nhau chỉ độc một mặt hàng mà không có hai.

Để đúc một đại hồng chung, có tục lệ gần như quy ước, người thợ phải ăn chay năm đất hàng tuần, cầu tổ nghề giúp đỡ thành công. Để có một đại hồng chung, việc làm khuôn là hết sức khó khăn do khuôn lớn, độ bền chặt của khuôn có thể không đảm bảo, méo mó, gãy gập, khó thực hiện. Bên cạnh đó phải giữ khuôn trên một giàn cao và khi đổ đồng vào đồng phải chảy đều liền mạch thì đại hồng chung mới tốt, khi đánh lên tiếng trong ngân dài mà không rè tiếng. Khi tiến hành đúc một đại hồng chung, kíp thợ rất tin vào yếu tố tâm linh: ăn chay năm đất, cầu tổ sư nghề giúp đỡ, xin các lực lượng siêu nhiên khác giúp cho được thành công. Do vậy, trước khi đúc đại hồng chung, toàn thể kíp thợ đúc phải lập đàn trai tế tổ nghề. Lễ này do một vị sư nhà chùa làm chủ lễ, lễ tiến hành trong suốt mấy tiếng đồng hồ cho công việc nhào đất làm khuôn. Khuôn của một đại hồng chung nặng trên 500 kg, cao từ 1,6 đến 2 mét, đường kính 1 đến 1,5 mét, đôi khi đúc khuôn hàng tháng mới xong 2 lớp cốt và áo khuôn. Để đủ lượng đồng cho việc rót đúc, đồng được nấu bằng nhiều lò cùng một lúc, thổi lửa than cháy đều thường xuyên để đồng chảy đều trước khi mang đổ vào khuôn. Đổ nước đồng với nhiệt độ cao trên một khung giàn nhiều cây chống đỡ và ngón ngang vật liệu thì quả là hết sức khó khăn.

Đổ đồng vào khuôn xong chờ cho khuôn nguội, thợ đúc tháo khuôn, tiến hành làm nguội, mài giữa những chỗ lồi lõm, góc cạnh... Công đoạn này phức tạp không kém khâu đổ

nước đồng. Làm nguội được phân công cho các thợ giỏi, lành nghề trong làng đúc thực hiện. Họ dùng dao, các loại giũa bén và vồ bằng gỗ, cạo, đập, gò, giũa bằng đôi tay và đôi tai để lấy tiếng, chỉnh tiếng. Ở công chiêng, thanh la, chuông, khánh... việc làm nguội cho chỗ mỏng, chỗ dày chỗ lõm xuống, chỗ nổi lên trên bề mặt, nùm chuông, vành chuông, dày mỏng thế nào... để có âm thanh chuẩn, các người thợ đều đo lường bằng tai và chỉnh bằng cảm giác đôi tay, nhưng thật ra có mực thước cả.

Khi đại hồng chung hoàn thành, người ta chọn ngày tốt treo chuông để làm lễ thử tiếng. Một vị sư thầy và vị thợ cả ăn mặc lễ nghi chỉnh tề cùng nhóm thợ tạ ơn tổ nghề, các lực lượng siêu nhiên khác đã giúp đỡ cho việc đúc đại hồng chung được mỹ mãn. Nhà sư tụng niệm cầu phước đúng giờ đã chọn, ông cầm dùi đánh một tiếng, chuông ngân lên, tiếng âm tròn ngân vang càng lâu, càng xa là chuông đã đạt như mong muốn.

Do phải có tay nghề, có kinh nghiệm nghề nghiệp, giữ được bí quyết trong nhiều công đoạn đúc đồng, nên để đúc được một đại hồng chung không phải làng nghề nào cũng làm được, nhưng làng đúc đồng Phước Kiều đã nổi tiếng trong việc này.

Trong nghề đúc nói chung và nghề đúc đồng Phước Kiều, huyện Điện Bàn nói riêng, khâu quan trọng trong quá trình đúc cho ra sản phẩm là khâu "*làm nguội*", tức là khâu hoàn thiện sản phẩm. Đây là công đoạn quyết định sự mềm mại, sắc sảo, duyên dáng của các loại đồ đồng, chất lượng cũng theo đó được hoàn thiện hơn. Từ các loại chiêng, thanh la, hay mâm đồng, thau đồng, nồi đồng, bộ tam sự, ngũ sự, các loại đồ thờ... đều phải qua khâu hoàn thiện. Đối với các loại nhạc cụ như bộ công chiêng, chuông..., hoàn thiện chính là giai đoạn lấy tiếng cho các loại nhạc cụ trên. Người không có cái tai thẩm âm, con mắt quan sát, cái tay sờ nắm thì không thể lấy tiếng cho các loại nhạc cụ này được. Để làm được điều này không phải bất cứ thợ đúc đồng nào ở làng Phước Kiều cũng có thể thạo việc được mà phải qua kinh nghiệm, đôi khi đúc chiêng nửa đời người mà lấy tiếng cho chiêng vẫn không chuẩn như ý muốn của sự cảm thụ. Do vậy, lấy tiếng cho các loại nhạc khí bằng đồng tại làng Phước Kiều là nét độc đáo riêng tại đây. Theo đó, người sử dụng có thể biết được đâu là sản phẩm Phước Kiều, đâu là sản phẩm các làng đúc đồng khác.

### 3.2. Sản phẩm

Làng đúc đồng Phước Kiều nổi tiếng tự bao đời đã đi vào câu ca và xây dựng thành nhiều giai thoại với "*Trống Lâm Yên, Chiêng Phước Kiều*".

Trước đây, làng chỉ đúc những sản phẩm truyền thống như chiêng, chuông, thanh la, chân đèn, lư hương, đồ gia dụng... Đặc biệt, sản phẩm công chiêng của Phước Kiều đã có mặt ở hầu khắp các bản làng dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Sự nổi tiếng của Phước Kiều không chỉ ở mẫu mã, độ bền và cách chọn pha chế đồng thau, mà còn là sự tinh xảo độc quyền, đặc biệt là đúc chuông, khánh, thanh la (sênh), cồng, chiêng, xạp xoả, đại hồng chung. Mỗi dụng cụ làm ra khi đánh lên phải phát ra âm thanh theo sở thích của vùng, từng dân tộc vốn đã có ngôn ngữ thứ tiếng riêng của họ, dân trong nghề gọi là “*dạy tiếng*”, tức là tạo ra âm thanh, âm vực hoàn chỉnh. Một bộ cồng chiêng từ 3 đến 5 chiếc, hoặc từ 5 đến 9 chiếc, 12 chiếc; mỗi chiếc đảm nhận một chức năng cung bậc nhất định, nhưng phải là tổng thể âm thanh không cho lọt âm ra ngoài khi cả giàn cồng chiêng cùng đánh. Vì thế, một bộ chiêng cho đồng bào dân tộc Cơ Tu ở A Lưới (Thừa Thiên Huế) gồm ba chiếc, một lớn, hai nhỏ phải cùng một thang âm khi đánh lên. Bộ chiêng cho vùng Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk gồm sáu chiếc, chiếc này bỏ lọt vào lòng chiếc kia, khi đánh lên có chuỗi âm thanh cao, thấp vang dài. Bộ chiêng cho đồng bào vùng Lâm Đồng gồm một cặp hai chiếc, khi đánh lên phải có “*tiếng trống*”, “*tiếng mái*”. Bộ chiêng cho vùng Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Trà My Quảng Nam gồm năm đến bảy chiếc to, nhỏ khác nhau, khi đánh lên phải có âm thanh “*chìm*”, “*nổi*” khác nhau. Những sản phẩm đặc trưng như độc bình, mặt trống đồng, soong, nồi, chảo, muống, cối xay tinh bột sắn... thể hiện bàn tay tài hoa và tâm hồn tinh tế của người dân bản địa. Về âm thanh, âm sắc của những nhạc cụ dân tộc từ Nam Đông – A Lưới (các vùng dân tộc miền núi của tỉnh Thừa Thiên Huế) đến tỉnh Bình Phước hay kể cả một số nhạc cụ của đồng bào các dân tộc vùng Tây Nguyên đều do làng đồng Phước Kiều cung cấp.

### 3.3. Tổ chức sản xuất

Việc tổ chức sản xuất ở làng Phước Kiều theo hộ gia đình, hoặc nhiều hộ, nhiều người thợ tập trung làm chung thành hội. Trong khi sản xuất thì phân chia công việc theo công đoạn, theo nhiệm vụ từng bước của quy trình như trình bày trên đây dựa vào trình độ tay nghề của người thợ. Việc phân công còn thể hiện ở những người đảm nhận các khâu khác nhau từ khi bắt đầu đến khi sản phẩm hoàn thiện. Có người chuyên việc cung cấp nguyên liệu đồ đồng, có người chuyên sản xuất tạo sản phẩm, có người chuyên buôn bán, có người chuyên tìm mối và bỏ hàng cho mối...

Riêng với mặt hàng chuông hay còn gọi là đại hồng chung, người Phước Kiều thường làm theo đơn đặt hàng. Do làm đại hồng chung chiếm nhiều thời gian, công sức nên số người tham gia khá đông, từ ba mươi đến bốn mươi người. Thường muốn đúc chuông nặng chừng 200 kg, họ phải dùng đến 300 kg đồng. Mỗi mẻ có 4 người nấu. Nấu xong, lần lượt rót vào khuôn, hết mẻ này đến mẻ khác. “*Xưa nay, những người thợ giỏi của làng đúc đồng Phước Kiều được các chùa trong và ngoài tỉnh thay nhau mời đúc đại hồng chung. Có lúc, họ phải lên nhiều tỉnh ở Tây Nguyên làm theo đơn đặt hàng của khách.*” [5, Tr. 495]

### 3.4. Thị trường tiêu thụ

Lực lượng phân phối đồ đồng của làng đúc Phước Kiều xưa nay không bó hẹp ở Quảng Nam, Đà Nẵng mà còn mở rộng ra tận Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, vào Quảng Ngãi, Phú Yên và lên đến Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng... Bên cạnh hàng chục hộ chuyên đúc các loại sản phẩm bằng đồng thì số người đi buôn đồ đồng cũng nhiều. Người trong làng có, ngoài làng có.

Mỗi một thương lái đều có thị trường riêng của mình, ở Huế có ông Võ Chánh thường vào Phước Kiều mua các loại thanh la đem ra bán tận miền A Sao, A Lưới. Ở Quảng Nam, vùng Trà My có ông Tư Nghĩa, ông Lưu Xong... kinh doanh mặt hàng này. Ở Phước Sơn có ông Dương Hộ người chính gốc Phước Kiều mua đồng chiêng mang đi bán. Ông Phạm Bàn ở Phước Kiều cũng là thương lái buôn bán đồ đồng nhưng vào tận Trà Bồng, Đồng Kè thuộc Quảng Ngãi tiêu thụ.

Tuy mặt hàng buôn bán ở miền núi chủ yếu là chiêng, thanh la, nhưng không phải cái nào cũng giống cái nào. Ngoài hình thức to nhỏ thì âm thanh mỗi vùng mỗi khác. Trong đó, âm thanh của các loại hình nhạc cụ gõ Buôn Mê Thuật dễ lấy tiếng. Ngược lại, âm thanh ở Trà Bồng, Nam Trà My, Bắc Trà My, Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang khó lấy tiếng phù hợp cách thẩm âm của các dân tộc vùng này. Để lấy được tiếng chuẩn, người lấy tiếng phải là thợ giỏi. Đây là kể chuyện thanh la. Còn lấy tiếng cho chiêng, một loại hình nhạc cụ dùng cúng bái ở các đình chùa... lễ hội miền núi, lại càng khó hơn.

Một số người thì chuyên cung cấp nguyên liệu hay buôn bán, tìm mối, bỏ mối theo đơn đặt hàng... quanh năm suốt tháng vẫn có việc làm, dù vất vả nhưng thu nhập cũng tương đối. Ở vùng quê này, nhiều gia đình trở nên khá giả, có của ăn của để cũng nhờ có nghề thủ công truyền thống này. Một số gia đình như các ông Phan Tự, Trần Đức, Trần Phàn, Nguyễn Cải, Dương Ca... bỏ tiền ra thuê thợ làm quanh năm để kịp có sản phẩm cung cấp cho thị trường các nơi. Đây là những gia đình giàu có, nhiều lao động. Còn những hộ khác cũng sản xuất ra đồ đồng nhưng chỉ trong phạm vi gia đình, không có công phụ giúp nên không vươn lên được nhưng vẫn có thu nhập khá hơn rất nhiều so với nghề làm nông.

### 3.5. Bí quyết của làng nghề

Nghề đúc đồng có những bí quyết riêng để có thể tạo ra được những sản phẩm nổi tiếng mà nhiều nơi biết đến. Một trong những bí quyết đó là pha hợp kim. Qua bao thời tồn tại và phát triển, nghề đúc làng Phước Kiều đã tích lũy được những kinh nghiệm lớn. Để có được sản phẩm (nhất là các loại nhạc khí), người thợ phải mất nhiều thời gian, công sức với sự tỉ mỉ, khéo léo trong việc làm khuôn. Việc chế tạo khuôn đất sét gồm nhiều công đoạn: nhồi đất, làm bìa, giấp khuôn, thét khuôn, trở điệu... Tùy sản phẩm mà làm khuôn sống (dùng một lần) hoặc khuôn bèn (dùng nhiều lần). Cũng tùy sản phẩm, thợ đúc làng áp dụng những kỹ thuật khác



nhau trong việc nung khuôn, nấu kim loại, rót khuôn và ra khuôn. Mỗi gia đình có bí quyết pha chế hợp kim riêng để đúc như đồng đỏ, đồng thau (đồng pha thiếc), đồng (đồng pha nhôm), đồng xanh (đồng pha kẽm) và đồng thòa (đồng pha vàng).

Trong nghề đúc truyền thống, thì làm nguội chính là công đoạn cuối trong việc quyết định chất lượng sản phẩm. Người trong làng nghề Phước Kiều quan niệm một cái chiêng mới ra khuôn đánh lên vẫn có tiếng, nhưng chưa phải là tiếng chiêng, mà chỉ như âm thanh ban đầu của một đứa bé mới tập nói, vì thế cần phải tạo cho chiêng ngân vang. Kỹ thuật lấy tiếng nhạc khí là nét riêng của làng đúc Phước Kiều, nhờ đó có thể phân biệt nhạc khí của làng với bất cứ nơi nào khác.

Ngoài ra, các nghệ nhân Phước Kiều phải có kỹ thuật thẩm âm để tạo ra sản phẩm có tiếng vang, phù hợp với phong tục, tập quán và văn hóa tâm linh của từng tộc người. Điều này đòi hỏi người thợ Phước Kiều phải có đôi tai tinh nhạy, sự từng trải, am hiểu và kinh nghiệm cảm nhận âm thanh tinh tế.

Như vậy, đến thời Nguyễn, làng nghề đúc đồng Phước Kiều đã trải qua hơn 200 năm với bao cuộc bể dâu thương hải tang điền, lúc hưng, lúc thịnh. Có lúc làng đúc Phước Kiều “thoi thóp”, nhưng người thợ trong làng quyết không bỏ nghề và ngày càng đưa nghề phát triển.

Sản phẩm của làng nghề đúc đồng Phước Kiều vang bóng trong các không gian lễ hội và các công trình kiến trúc đình làng, nhà thờ tộc họ, miếu mạo. Sản phẩm của làng đã trở thành linh thiêng ở những nơi thiêng liêng thờ tự.

Trải qua chặng đường dài phát triển, làng đúc đồng Phước Kiều đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, tạo tác ra nhiều sản phẩm có giá trị văn hoá cao và mang tính đặc trưng chuyên biệt mà cả nước không nơi nào làm được. Các loại công chiêng, thanh la, nôi chào, các bộ tam sự, ngũ sự, vòng đeo cổ, đeo tay, đeo tai được phân phối lên miền núi để bán buôn trong khắp cả nước. Bà con các dân tộc từ Quảng Trị đến Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Sông Bé tìm đến Phước Kiều để mua hàng. Họ mua để dùng, hoặc mang sang Lào, Campuchia để bán, đổi lấy ché, lấy trâu, thổ cẩm mang về.

Nghề đúc đồng Phước Kiều đã hòa mình cùng với các ngành nghề khác tạo nên một mạng lưới ngành nghề đa dạng và Quảng Nam được mệnh danh “xứ trăm nghề”, góp phần làm cho bức tranh thủ công nghiệp Quảng Nam dưới triều Nguyễn phong phú, đa dạng, có những bước phát triển mới so với các thế kỷ trước.

### Tài liệu tham khảo

1. Phạm Hữu Đăng Đạt (2003), *Chuyện làng nghề đất Quảng*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
2. Phạm Hữu Đăng Đạt (2013), *Chuyện xưa đất Quảng*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.

3. Võ Văn Hòe, Hồ Tấn Tuấn, Lưu Anh Rô (2007), *Văn hóa xứ Quảng một góc nhìn*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
4. Hội Khoa học Lịch sử thành phố Đà Nẵng (2007), *Lịch sử thành phố Đà Nẵng (1858–1945)*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
5. Hội văn nghệ dân gian thành phố Đà Nẵng (2009), *Nghề và làng nghề truyền thống đất Quảng*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
6. Nhiều tác giả (2004), *Duyên hải Miền Trung đất và người*, tạp chí Xưa và Nay – Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
7. Lê Minh Quốc (2010), *Các vị tổ ngành nghề Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 15, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Hữu Thông (1994), *Nghề và làng nghề thủ công truyền thống*, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế.
11. Vũ Từ Trang (2007), *Nghề cổ đất Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
12. Nguyễn Minh Triều (2010), *Quảng Nam và Đà Nẵng qua các triều đại phong kiến*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.

## PHUOC KIEU BRONZE CASTING DURING NGUYỄN DYNASTY

Nguyen Minh Phuong<sup>1,2</sup>

<sup>1</sup> HU – University of Education, 32 Le Loi St., Hue, Vietnam

**Abstract.** Phuoc Kieu bronze casting was established when the Nguyễn Dynasty expanded the southern territory of the country. Since then, Phuoc Kieu bronze casting, together with other popular crafts, has made Quang Nam – Danang province “a land of hundreds of crafts”. During the Nguyễn Dynasty, through many ups and downs, Phuoc Kieu bronze casting still established its brand name and it now becomes one of the major crafts in Quang Nam province. In this paper, Phuoc Kieu bronze casting’s development will be described to figure out its role in crafts in the locality as well as throughout Vietnam.

**Keywords.** bronze casting, Phuoc Kieu, Nguyễn Dynasty, land of hundreds of crafts